TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST
Ngày 12/7/2019.
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Quý Long
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Phạm Thị Thuyến;
2. Ông Trịnh Anh Bật.
Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Mạnh - Thư ký Toà án.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Quang Đại– Kiểm sát viên

Ngày 12/7/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2019/TLST - HNGĐ ngày 28/02/2019 về việc ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 14/6/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn Đ, sinh năm 1965; Có mặt.
Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương;
Bị đơn: Chị Đoàn Thị H, sinh năm 1979; Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
HKTT: Thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương;
Trú tại: số nhà 53, tổ 28, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn anh Đỗ Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Đoàn Thị H, sinh năm 1979 vào ngày 15/01/2013 trên cơ sở tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách hai vợ chồng không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, thường xuyên bất đồng trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Mặt khác cả anh và chị H đều kết hôn lần hai khi về sống cùng vợ chồng có nhiều mâu thuẫn thường xuyên cãi cọ nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Do mâu thuẫn trầm trọng nên chị H đã bỏ về nhà mợ ruột ở thôn 4, xã Vạn Phúc, huyện N, tỉnh Hải Dương, chị H ở nhờ gia đình

mợ ruột từ cuối năm 2017 cho đến đầu tháng 3 năm 2019 đi làm thuê và ở nhờ tại nhà họ hàng ở số 53, tổ 28, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng ly thân từ cuối năm 2017 đến nay không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và không có biện pháp để có thể cải thiện được nữa nên đề nghị Toà án giải quyết cho tôi ly hôn với chị Đoàn Thị H.

Về con chung: Anh xác định anh và chị Đoàn Thị H có 01 con chung là Đỗ Văn H, sinh ngày 24/9/2013, hiện con chung đang ở với anh. Anh đề nghị được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo văn bản lựa chọn Tòa án giải quyết của bị đơn, chị Đoàn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Đỗ Văn Đ, sinh năm 1965 vào ngày 15/01/2013 trên cơ sở tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng trong cuộc sống và phát triển kinh tế gia đình. Do không chịu đựng được nên tôi đã bỏ về nhà mợ Nguyễn Thị Xuyền, sinh năm 1978; địa chỉ: thôn 4, xã Vạn Phúc, huyện N, tỉnh Hải Dương để ở nhờ. Đến đầu tháng 3 năm 2019 sau khi nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Tòa án nhân dân huyện N, do chán nản nên tôi đã đi làm thuê tại nhà em họ tại địa chỉ: số nhà 53, tổ 28, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Chị xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên vợ chồng tôi sống ly thân nhau từ cuối năm 2017 đến nay, không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau. Trong thời gian sống ly thân, chị không còn sinh sống trên địa bàn huyện N mà đang đi làm thuê và ở nhờ họ hàng tại số nhà 53, tổ 28, phường M, thành phố T`, tỉnh Tuyên Quang nên chị lựa chọn Tòa án nhân dân huyện N giải quyết vụ án. Nay anh Đ có đơn xin ly hôn chị, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và không có biện pháp để có thể cải thiện được nữa nên đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Chị Đoàn Thị H không trình bày quan điểm về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đoàn Thị H không trình bày quan điểm.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện N phát biểu ý kiến, xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử cơ bản đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải

quyết vụ án; nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 1 Điều 227 BLTTDS; Luật số 97 về phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đỗ Văn Đ. Xử cho anh Đỗ Văn Đ ly hôn chị Đoàn Thị H.

Về con chung: Giao cho anh Đỗ Văn Đ nuôi dưỡng con chung Đỗ Văn H, sinh ngày 24/9/2013. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đỗ Văn Đ về việc không yêu cầu chị Đoàn Thị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Anh Đỗ Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Đỗ Văn Đ khởi kiện tranh chấp về ly hôn, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc dù bị đơn – chị Đoàn Thị H hiện đang cư trú và làm việc tại thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Tuy nhiên, bị đơn có văn bản lựa chọn Tòa án nhân dân huyện N giải quyết vụ án nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình đưa vụ án ra xét xử, chị Đoàn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt chị Đoàn Thị H.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Đỗ Văn Đ và chị Đoàn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký ngày 15/01/2013 tại UBND xã N, huyện N nên hôn nhân giữa anh Đ và chị H là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do tình cách không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2017 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau. Bản thân anh Đ, chị H đều mong muốn được ly hôn. Như vậy có đủ cơ sở để xác định tình trạng quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho

anh Đ ly hôn chị H.

[3]. Về con chung: Anh Đỗ Văn Đ và chị Đoàn Thị H có 01 con chung Đỗ Văn H, sinh ngày 24/9/2013, hiện nay con chung đang ở cùng với anh Đ. Anh Đ có nguyện vọng được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con; Chị H không có quan điểm về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác, chị H có thái độ bỏ mặc không đến tham gia tố tụng kể từ thời điểm thụ lý vụ án cho đến phiên tòa ngày 12/7/2019 nên chị H đã tự tước bỏ đi quyền của mình. Căn cứ các Điều 81, 82 và 83- Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của anh Đỗ Văn Đ giao con chung Đỗ Văn H, sinh ngày 24/9/2013 cho anh Đ nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ về việc không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 147; Điều 271; Điều 273- BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Văn Đ. Xử cho anh Đỗ Văn Đ ly hôn chị Đoàn Thị H.

Về quan hệ nuôi con: Giao cho anh Đỗ Văn Đ nuôi dưỡng con chung là Đỗ Văn H, sinh ngày 24/9/2013. Thời điểm nuôi dưỡng con chung (Đỗ Văn H) của anh Đỗ Văn Đ kể từ tháng 7/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đỗ Văn Đ về việc không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Anh Đỗ Văn Đ phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được đối trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N theo biên lai số AA/2017/0004685 ngày 28/02/2019. Anh Đỗ Văn Đ đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/7/2019). Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
-UBND xã Ninh Ninh Hòa, huyện Ninh Giang (*Để vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Bùi Quý Long